

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/2022

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung giữa anh T và chị P”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Diễm

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Đình T sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện P, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị P sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã M, huyện P, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt anh T; vắng mặt chị P – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị P tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P vào ngày 16/01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh. Quá trình chung sống đến tháng 11/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã xô xát. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 01/2021, chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P không còn, anh xin ly hôn chị P.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị P có 02 con chung là Đỗ Thị L sinh ngày 06/12/2009 và Đỗ Thị D sinh ngày 08/4/2013, hiện cả 02 con đang ở với anh. Ly hôn, anh nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn lựa chọn Tòa án giải quyết ngày 30/5/2022 và đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án ngày 23/8/2022 bị đơn chị Hoàng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như anh Đỗ Đình T đã trình bày là đúng. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị nhất trí ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh Đỗ Đình T đã trình bày là đúng. Ly hôn, chị nhất trí để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, việc cấp dưỡng cho con phụ thuộc với khả năng của chị. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Đình T khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với chị Hoàng Thị P, do chị P là bị đơn cư trú tại Thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, anh T và chị P đều có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện P là Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Đình T và chị Hoàng Thị P xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện P cấp đăng ký kết hôn số 03 ngày 16/01/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 11/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 01/2021, chị P đã bỏ về Thôn L, xã B, huyện H,

tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P không còn, anh xin ly hôn chị P. Chị P cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị nhất trí ly hôn anh T. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị P không có mặt, chị P không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho anh T được ly hôn chị P là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Đỗ Đình T và chị Hoàng Thị P có 02 con là Đỗ Thị Lsinh ngày 06/12/2009 và Đỗ Thị D sinh ngày 08/4/2013. Ly hôn, anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con, chị P cũng nhất trí nhưng cấp dưỡng cho con phụ thuộc vào khả năng của chị. Xét nguyện vọng nuôi con của anh T là chính đáng, chung đang ở với anh T, anh T chăm sóc các con rất chu đáo, cả hai con lại có nguyện vọng ở với anh T, anh T có đủ điều kiện để nuôi dạy con chung nên cần giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng cho con là phù hợp với tình hình thực tế của con chung, đáp ứng được nguyện vọng của con chung, của các đương sự và phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh Đỗ Đình T và chị Hoàng Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh Đỗ Đình T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Đình T và chị Hoàng Thị P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Đình T được ly hôn chị Hoàng Thị P.

2.Về nuôi con chung: Xử giao 02 con là Đỗ Thị Lsinh ngày 06/12/2009 và Đỗ Thị D sinh ngày 08/4/2013 cho anh Đỗ Đình T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị Hoàng Thị P cấp dưỡng cho con.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Anh Đỗ Đình T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu số 0004764 ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Đình T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Hoàng Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Nơi đăng ký kết hôn:UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên